

Số: 51 /BC-ĐTK

Cà Mau, ngày 19 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ NĂM 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
- Tên viết tắt: PVC-Mekong
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: đăng ký thay đổi lần 14, số 2000492299, ngày 06/12/2018, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cà Mau cấp.
- Vốn điều lệ: 280.689.000.000 đồng.
- Địa chỉ trụ sở: Số 131, Trần Hưng Đạo, quận Ninh Kiều, thành phố Cà Mau.
- Điện thoại: (02903) 827.974;
- Fax: (02903) 827.798.
- Email: pvcmekong@pvcmekong.vn
- Website: www.pvcmekong.vn
- Mã chứng khoán: PXC

Ngày 09/02/2017, PVC-Mekong đã hoàn thành việc đưa mã chứng khoán PXC lên sàn giao dịch UpCOM.

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình thành lập

Ngày 17/12/2007, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) đề nghị UBND tỉnh Cà Mau hợp tác thành lập Công ty Cổ phần trực thuộc PVC hoạt động tại địa bàn tỉnh Cà Mau theo công văn số 1291/PVC-ĐTXD. Nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau và góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, UBND tỉnh Cà Mau thống nhất đồng ý hợp tác với PVC thành lập Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí có trụ sở hoạt động tại thành phố Cà Mau với tên viết tắt là PVC-CM theo Thông báo số 09/TB-UBND ngày 18/01/2008.

Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) thành lập trên cơ sở kết thúc hoạt động của Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau, chuyển nhiệm vụ và toàn bộ bộ máy hoạt động sang Công ty Cổ phần.

Năm 2010, nhằm mở rộng địa bàn hoạt động ra khu vực Đồng bằng sông Cửu Long theo chủ trương của Tổng công ty PVC, Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí đã chuyển địa điểm trụ sở Công ty từ tỉnh Cà Mau về thành phố Cần Thơ.

2.2. Quá trình tăng vốn điều lệ:

Công ty được thành lập vào ngày 25/01/2008 với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 50 tỷ đồng đến nay sau 13 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vốn điều lệ của Công ty là 280,689 tỷ đồng thông qua các đợt tăng vốn sau đây:

Bảng 01: Quá trình tăng vốn điều lệ của PVC-Mekong

Thời gian	Vốn thực góp (đồng)	Vốn góp thêm (đồng)	Hình thức góp vốn	Căn cứ thực hiện
01/2008 - 12/2008	33.556.830.970	33.556.830.970 trong đó: TM: 32.550.000.000 TS: 1.006.830.970	Góp vốn thành lập Công ty, số lượng cổ đông góp vốn: 31.	Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/01/2008
04/2009 - 11/2009	100.000.000.000	66.443.169.030 trong đó: TM: 64.950.000.000 đồng TS: 1.493.169.030 đồng	Phát hành riêng lẻ, trong đó: - Cổ đông hiện hữu: 07 cổ đông, tương ứng với giá trị: 2.123.169.030 đồng. - Cổ đông mới: 65 cổ đông, tương ứng với giá trị: 64,32 tỷ đồng.	Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2009
11/2011 - 02/2012	280.689.000.000	180.689.000.000 trong đó: TM: 180.689.000.000 đồng. TS: 0 đồng.	Phát hành ra công chúng	Nghị quyết số 01/NQ-ĐTDKCM-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2011 Giấy CN chào bán cổ phiếu ra công chúng số 111/GCN-UBCK ngày 31/10/2011

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 số: 2000492299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 06/12/2018.

3.2. Địa bàn kinh doanh chính: khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

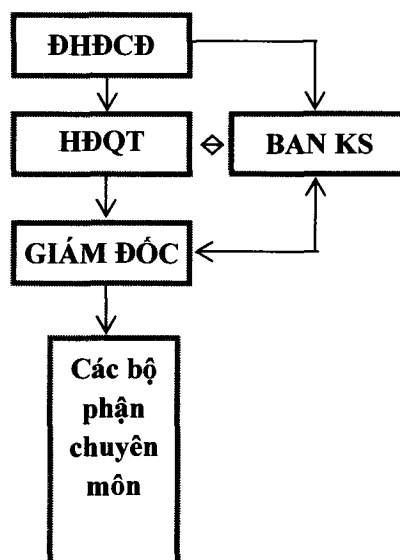
4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí được tổ chức và hoạt động theo:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ 8, ban hành ngày 14/8/2015.

Mô hình tổ chức của PVC-Mekong trong năm 2018 được khái quát bằng sơ đồ dưới đây:



Bộ máy hoạt động của Công ty hiện nay bao gồm:

* Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Chia, tách,

hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

*** Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là 05 năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các quyền và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng quản trị được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số quá bán. Các thành viên HĐQT đã được phân công nhiệm vụ cụ thể và thực thi nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm. Hội đồng quản trị họp định kỳ hàng quý, họp đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản để quyết nghị các vấn đề chính yếu của Công ty một cách kịp thời, nội dung chi tiết được nêu tại Báo cáo của Hội đồng quản trị.

*** Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm; Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 102 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

*** Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty gồm 02 người: Giám đốc và 01 Phó giám đốc (đến 23/7/2018, Ban Giám đốc Công ty chỉ còn duy nhất 01 thành viên là Giám đốc). Nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Giám đốc là người quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó giám đốc giúp việc cho Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được Giám đốc phân công.

*** Các bộ phận trực thuộc bao gồm:**

- Bộ phận Hành chính - Kế toán
- Bộ phận Kinh tế - Kỹ thuật.

Đến 31/12/2018, Công ty không bố trí các phòng chức năng mà chỉ phân công nhân sự phụ trách các công việc phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 02: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018

Stt	Chi tiêu	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ so sánh (%)	
			Kế hoạch năm ⁽¹⁾	Thực hiện năm	TH /KH năm 2017	So với năm 2016
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)	(7=5/3)
1	Vốn điều lệ	280,69	280,69	280,69	100,00	100,00
2	Tổng giá trị sản lượng	173,82	-	8,55		4,92
3	Tổng doanh thu	167,64	14,00	9,65	68,94	5,99
4	Lợi nhuận trước thuế	(72,74)	-	(81,69)		
5	Số phát sinh phải nộp NSNN	9,91	4,50	0,33	7,40	3,36
6	L/ động s/d b/quân (người)	65	18	26	144,40	40,13

2. Tổ chức nhân sự:

2.1. Cơ cấu Ban điều hành tại 31/12/2018:

Năm 2018, cơ cấu nhân sự trong Ban điều hành của PVC-Mekong có sự thay đổi, danh sách tính đến 31/12/2018 như sau:

Bảng 03: Cơ cấu nhân sự Ban điều hành tại 31/12/2018

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
I.	BAN GIÁM ĐỐC		
1.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Giám đốc	
II.	KẾ TOÁN		
1.	Vũ Đức Tiến	Phụ trách kế toán	

2.2. Số lượng cán bộ công nhân viên:

Bảng 04. Số lượng lao động qua các năm

NỘI DUNG	Đơn vị tính	2016	2017	2018
Tổng số lao động bình quân năm	Người	101	65	26
Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/tháng	6,64	6,43	6,8

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**3.1. Các khoản đầu tư:**

Trong năm 2018, PVC-Mekong không thực hiện đầu tư.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: không có.**4. Tình hình tài chính:****4.1. Tình hình tài chính năm 2018:****Bảng 05: Một số chỉ tiêu tài chính năm 2018**

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	271,61	195,17	
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	161,04	9,65	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(72,74)	(81,69)	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(72,74)	(81,69)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	-	-	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**Bảng 06: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,51	0,73
1.2	Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,13	0,18
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	187,97	133,14
2.2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	(213)	(402)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Số lượng cổ phần của Công ty hiện tại là 28.068.900 cổ phần. Trong đó:

- Cổ phần thường: 28.068.900 cổ phần;
- Cổ phần ưu đãi: không.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Bảng 07: Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2018

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. Tổng vốn chủ sở hữu	28.068.900	100,00
- Cổ đông sáng lập	15.255.000	54,35
- Cổ đông sở hữu trên 5%	11.820.200	42,11
- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	0	0
- Cổ đông nắm giữ từ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	9.937.000	3,54
2. Cơ cấu cổ đông	28.068.900	100,00
- Cổ đông là tổ chức	26.820.200	95,55
- Cổ đông là cá nhân	998.700	3,56
- Cổ đông nhà nước	250.000	0,89
- Cổ đông nước ngoài	0	0

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018, vốn điều lệ của Công ty không có sự thay đổi, giá trị là 280.689.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ, sáu trăm tám mươi chín triệu đồng).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá chung

- Chưa hoàn thành việc chuyển nhượng dự án Bạc Liêu Tower và đàm phán lãi vay với OceanBank;

- Công tác thu hồi công nợ, thanh quyết toán công trình chưa đạt được kết quả khả quan, vẫn còn tồn tại một số công trình đến nay chưa thu hồi được.

2. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

Nội dung báo cáo tại mục số II.1

3. Chính sách, quản lý, an sinh xã hội:

Về công tác an sinh xã hội: Trong năm, Ban điều hành và Công đoàn đã phối hợp thăm hỏi CBCNV nhân các ngày Lễ, Tết....

4. Kế hoạch năm 2019

Bảng 08: Một số chỉ tiêu kế hoạch 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	280,69	280,69	
2	Tổng giá trị sản lượng	Tỷ đồng	-	-	
3	Tổng doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	9,65	12,00	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(81,69)		
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	0.33		
6	Lao động sử dụng bình quân	Người	26	14	

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

1. Về công tác ban hành các quy chế, quy định của Công ty:

Năm 2018 HĐQT ban hành sửa đổi quy chế lương; Quy chế công tác phí, chi phí hành chính, quy định sử dụng xe ô tô và định mức tiêu hao nhiên liệu phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

2. Công tác chỉ đạo, giám sát và hoạt động của HĐQT:

HĐQT thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và có chủ trương chỉ đạo kịp thời đối với các mặt hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT thường kỳ và thông qua việc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản. Năm 2018, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ theo quy định để thảo luận và thông qua các vấn đề quan trọng của Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định quan trọng cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
I. NGHỊ QUYẾT			
1	10/NQ-HĐQT-ĐTDK	28/2/2018	Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
2	20/NQ-HĐQT-ĐTDK	20/4/2018	Gia hạn ĐHCĐ thường niên 2018
3	30/NQ-HĐQT-ĐTDK	03/7/2018	Phê duyệt giá khởi điểm và bán/ thanh lý các máy móc thiết bị thi công đã qua sử dụng
4	33/NQ-HĐQT-ĐTDK	12/7/2018	Triệu tập ĐHCĐ thường niên 2018
5	49/NQ-HĐQT-ĐTDK	23/7/2018	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018
6	56/NQ-HĐQT-ĐTDK	10/10/2018	Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản
7	67/NQ-HĐQT-ĐTDK	07/12/2018	Thay đổi đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018

II. QUYẾT ĐỊNH

1	34/QĐ-HĐQT-ĐTDK	12/7/2018	Thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018
2	60/QĐ-HĐQT-ĐTDK	26/10/2018	Sửa đổi, bổ sung quy chế trả lương
3	61/QĐ-HĐQT-ĐTDK	26/10/2018	Ban hành quy chế công tác phí, chi phí hành chính, quy định sử dụng xe ô tô và định mức tiêu hao nhiên liệu.
4	62/QĐ-HĐQT-ĐTDK	30/10/2018	Tinh gọn bộ máy tổ chức

3. Công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT:

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát đối với công tác quản lý, điều hành của Ban giám đốc Công ty được thể hiện cụ thể qua một số nội dung sau:

- Giám sát việc thực hiện các quy định của Điều lệ, các Quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT và các quy định pháp luật hiện hành;
- Giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật theo quy định của pháp luật và Công ty.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT:

Tổng tiền lương, thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị năm 2018 là 598.217.000 đồng.

5. Đánh giá hoạt động SXKD năm 2018:

- Tổng giá trị sản lượng thực hiện năm 2018 là 8,55 tỷ đồng, bằng 4,92% so với cùng kỳ năm 2017;

- Tổng doanh thu năm 2018 là 9,65 tỷ đồng, bằng 68,94% kế hoạch năm 2018 và bằng 5,99% so với cùng kỳ năm 2017.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY :

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu:

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2013-2018 gồm 05 thành viên, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty;
- Ông Võ Văn Hạng - Ủy viên HĐQT;
- Ông Trần Quốc Huy - Ủy viên HĐQT;
- Ông Phí Ngọc Khánh - Ủy viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Văn Ánh - Ủy viên HĐQT.

Bảng 10: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị năm 2018

Stt	Họ và tên	Đại diện số cổ phần	Ghi chú
1.	Võ Văn Hạng	Đại diện PVC sở hữu 7.000.000 CP	
2.	Trần Quốc Huy	Đại diện PVC sở hữu 5.000.000 CP	
3.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Đại diện PVC sở hữu 3.000.000 CP (Từ 23/7/2018 sở hữu 15.000.000 CP và thay thế sở hữu cổ phần của ông Võ Văn Hạng và Trần Quốc Huy)	
4.	Phí Ngọc Khánh	Đại diện PVFCCo sở hữu 5.000.000 CP	
5.	Nguyễn Văn Ánh	Đại diện PVFCCo sở hữu 5.000.000 CP	

1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT: không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 04 buổi họp trong năm 2018 để thông qua các vấn đề chủ yếu như sau:

a, Phiên họp ngày 23/3/2018:

- Giao cho Giám đốc triển khai thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty về việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017;

- Đề nghị Giám đốc thực hiện quyết toán các ĐXD; Quyết toán các công trình; Đẩy mạnh thu hồi công nợ;

- Thông qua các nội dung chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên 2018.

b, Phiên họp ngày 12/7/2018:

Thông qua thời gian và các nội dung để ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

c, Phiên họp ngày 20/9/2018:

- Giao cho Giám đốc triển khai thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty về việc thẩm định Báo cáo tài chính quý 2/2018;

- Thông qua báo cáo tình hình SXKD quý 3/2018 của Công ty;

- Thông qua các nội dung để thực hiện các công việc liên quan đến Bạc Liêu Tower.

d, Phiên họp ngày 21/12/2018:

- Giao cho Giám đốc triển khai thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty về việc thẩm định Báo cáo tài chính quý 3/2018;

- Thông qua báo cáo tình hình SXKD 11 tháng đầu năm 2018 của Công ty;

- Thông qua các nội dung để thực hiện các công việc liên quan đến Bạc Liêu Tower.

Bảng 11: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị năm 2018

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Võ Văn Hạng	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Trần Quốc Huy	Ủy viên HĐQT	4/4	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Ủy viên HĐQT	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Ánh	Ủy viên HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Phí Ngọc Khánh	Ủy viên HĐQT	4/4	100%	

*** Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018:**

Nội dung ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty: HĐQT đã quyết định chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị tiến hành thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban của HĐQT: không có.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu:

Ban kiểm soát của PVC-Mekong hiện nay gồm có 3 thành viên hoạt động không chuyên trách:

- Ông Trần Khắc Huy, Trưởng Ban kiểm soát;
- Ông Nguyễn Hữu Tú, Thành viên Ban kiểm soát;
- Ông Phan Quốc Phương, Thành viên Ban kiểm soát.

Bảng 12: Thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện số cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
1.	Trần Khắc Huy	Trưởng ban	0	0%	Kiểm nhiệm
2.	Nguyễn Hữu Tú	Thành viên	1.820.200	0%	Kiểm nhiệm
3.	Phan Quốc Phương	Thành viên	0	0%	Kiểm nhiệm

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Được sự ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Ban kiểm soát đã giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Giám đốc và các đơn vị trực thuộc Công ty.

Qua kiểm tra giám sát quá trình hoạt động tại Công ty, Ban kiểm soát nhận thấy một số nội dung chính sau:

- Hội đồng quản trị Công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số quá bán. Các thành viên Hội đồng quản trị đã được phân công nhiệm vụ cụ thể và thực thi nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ hàng quý, họp đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản để quyết nghị các vấn đề chính yếu của Công ty một cách kịp thời, nội dung chi tiết đã được nêu tại Báo cáo của Hội đồng quản trị;

- Ban giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị;

- Ban kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Giám đốc Công ty đã phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty năm 2018.

2.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018 không có giao dịch của cổ đông nội bộ.

2.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và cán bộ quản lý.

2.5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

PVC-Mekong luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2018 theo kiểm toán chi tiết đính kèm.

Trên đây là nội dung Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCK Hà Nội (báo cáo);
- Tổng công ty PVC (báo cáo);
- Tổng công ty PVFCCo, PVPower (báo cáo);
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu: VT.

Đính kèm:

- BCTC năm 2018 đã kiểm toán;
- Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành.

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Mỹ Linh

TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Họ và tên Nguyễn Thị Mỹ Linh - Giám đốc:
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 12/10/1982
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Tiến Dũng, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang
Địa chỉ thường trú: Số 19, đường Nguyễn Thị Nho, Phường 1, Cà Mau
Số điện thoại liên lạc: 0916 920 950
Số CMND: 381083517 do CA Cà Mau cấp ngày 26/3/2010
Trình độ văn hoá: 12/12 **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân ngành Kế toán
Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng
Năm 2004 - 2005	Nhân viên Công ty TNHH Triệu Hiền
Năm 2005 - 2008	Nhân viên Phòng Tổng hợp, Hành chính, Nhân sự Công ty Cổ phần TVĐTXD Cà Mau
Tháng 4/2008 - 2010	Nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí
Năm 2011 - 01/2013	Trưởng Phòng QLHĐ & KHVT Ban Điều hành dự án Cà Mau trực thuộc Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
Tháng 02/2013 - 07/2013	Trưởng Phòng Vật tư Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
Tháng 08/2013 - 06/2014	Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
Tháng 07/2014 - 08/2014	Phó phòng KTKH Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
Tháng 09/2014 - 19/4/2015	Trưởng phòng KTKH Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
20/4/2015 - 23/7/2018	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.
23/7/2018 đến nay	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ:	15.000.000 cổ phần.

TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Họ và tên Vũ Đức Tiên - Phụ trách kế toán
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 03/03/1986
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Lưu Phương, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
Địa chỉ thường trú: Đường 3/2, Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Số điện thoại liên lạc: 0913 991 262.
Số CMND: 381388056 do CA Cà Mau cấp ngày 12/4/2010
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2010 - 8/2017	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí	Kế toán viên, Phó phòng TCKT
8/2017 - 31/12/2018	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí	Phụ trách kế toán.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Deloitte.

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018) Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018)
Ông Võ Văn Hạng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018)
Ông Trần Quốc Huy	Thành viên
Ông Phí Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ánh	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018) Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018)
Ông Trần Quốc Huy	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

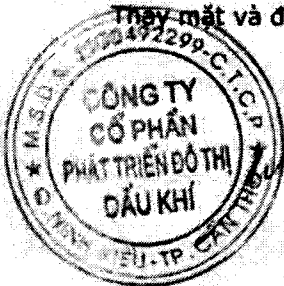
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
Số 131, Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Mỹ Linh
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 004483.....Quyển số: 01-SCT/BS

Ngày: 16 -04- 2019

CÔNG CHỨNG VIÊN



Đoàn Ngọc Liên

001
SỐ
H
E
L
E
/

Số: 975 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 180 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 99 tỷ VND); lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 466,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 384,9 tỷ VND) và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Công ty chưa có cam kết hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và chưa có nguồn tạo tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về cam kết tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các bằng chứng cho thấy khả năng trả nợ của Công ty cho các khoản nợ đến hạn và đã quá hạn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu ("Bạc Liêu Tower") với giá trị thuần có thể thực hiện được là 122.000.000.000 VND căn cứ theo Thông báo số 96/TB-CCTHADS ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu về việc bán đấu giá thành công Bạc Liêu Tower. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo tài chính kèm theo, Công ty đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng Bạc Liêu Tower. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của Bạc Liêu Tower cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

(iii) Như trình bày tại Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này lần lượt là 5,4 tỷ VND và 5,4 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị hợp lý của khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 004484.....Quyển số: 01-SCT/B:

Ngày: 16-04-2019



Đoàn Ngọc Liên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		186.806.386.233	262.558.859.536
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.845.049.157	3.827.978.569
1. Tiền	111		1.845.049.157	1.432.978.569
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.395.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.031.715.369	57.888.749.322
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	46.631.494.242	61.057.100.520
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.946.165.167	3.348.238.956
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	24.468.143.134	25.772.036.631
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(31.109.874.898)	(32.535.713.314)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		95.787.724	247.086.529
III. Hàng tồn kho	140	9	138.753.830.666	196.428.240.072
1. Hàng tồn kho	141		235.343.352.707	231.572.511.937
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(96.589.522.041)	(35.144.271.865)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.175.791.041	4.413.891.573
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.175.791.041	4.413.891.573
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.373.320.039	9.057.094.486
I. Tài sản cố định	220		8.373.320.039	9.057.094.486
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.272.070.039	8.955.844.486
- Nguyên giá	222		17.447.280.093	22.930.196.752
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.175.210.054)	(13.974.352.266)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	101.250.000	101.250.000
- Nguyên giá	228		338.318.800	338.318.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(237.068.800)	(237.068.800)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	5.400.000.000	5.400.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		195.179.706.272	271.615.954.022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

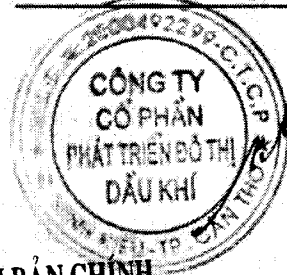
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		366.884.007.665	361.626.431.865
I. Nợ ngắn hạn	310		366.884.007.665	361.626.431.865
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	47.572.072.022	66.265.540.128
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.693.693.403	1.693.693.403
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	35.757.110.859	33.859.157.807
4. Phải trả người lao động	314		546.012.123	546.012.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	96.627.268.509	74.375.524.207
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	65.148.220.431	65.346.873.877
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	119.539.630.318	119.539.630.318
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(171.704.301.393)	(90.010.477.843)
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	(171.704.301.393)	(90.010.477.843)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.689.000.000	280.689.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.689.000.000	280.689.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.126.552.489	6.126.552.489
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.147.302.725	8.147.302.725
4. (Lỗ) lũy kế	421		(466.667.156.607)	(384.973.333.057)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(384.973.333.057)	(312.232.259.694)
- (Lỗ) năm nay	421b		(81.693.823.550)	(72.741.073.363)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		195.179.706.272	271.615.954.022

(Handwritten signature)



Nguyễn Xuân Liêm
Người lập biểu/
Phụ trách kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 014485 Quyền số: 01-SCT/BS Nguyễn Thị Mỹ Linh
Giám đốc

Ngày: 16-04-2019



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Đoàn Ngọc Liên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	9.651.711.220	161.048.001.525
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		9.651.711.220	161.048.001.525
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	69.788.613.249	154.424.694.333
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(60.136.902.029)	6.623.307.192
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		107.678.147	139.114.208
7. Chi phí tài chính	22	24	19.098.697.218	60.722.427.476
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.098.697.218	55.322.427.476
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.258.815.275	12.016.894.545
9. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(82.386.736.375)	(65.976.900.621)
10. Thu nhập khác	31	25	3.067.113.755	5.579.166.925
11. Chi phí khác	32	26	2.374.200.930	12.343.339.667
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		692.912.825	(6.764.172.742)
13. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(81.693.823.550)	(72.741.073.363)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
15. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(81.693.823.550)	(72.741.073.363)
16. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(2.910)	(2.592)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 4.86..... Quyền số: 01:SCIVBSTH/DẦU KHÍ

Ngày: 16-04-2019

Nguyễn Xuân Liêm
Người lập biểu/
Phụ trách kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Mỹ Linh
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(81.693.823.550)	(72.741.073.363)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	683.774.447	878.568.332
Các khoản dự phòng	03	60.019.411.760	9.631.503.517
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.049.932.059)	(139.114.208)
Chi phí lãi vay	06	19.098.697.218	55.322.427.476
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.941.872.184)	(7.047.688.246)
Thay đổi các khoản phải thu	09	24.708.042.940	76.162.312.578
Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.532.740.238)	(645.719.226)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.266.291.989)	(95.812.264.854)
Thay đổi chi phí trả trước	12	-	(436.297.555)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(176.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.032.861.471)	(27.779.833.303)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.942.253.912	2.064.777.031
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	107.678.147	139.114.208
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.049.932.059	2.203.891.239
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.887.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(2.887.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.982.929.412)	(28.462.942.064)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.827.978.569	32.290.920.633
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.845.049.157	3.827.978.569

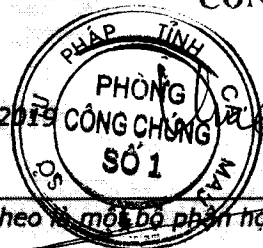
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 01-44.87. Quyền số: 01-SCT/BS

Ngày: 16-04-2019

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Xuân Liêm
Người lập biểu/
Phụ trách kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Thị Mỹ Linh
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Đoàn Ngọc Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000117 ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 2000492299 ngày 06 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 là 280.689.000.000 VND, tương ứng với 28.068.900 cổ phần.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 65 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Tư vấn hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị; Tư vấn đầu tư xây dựng, bao gồm: khảo sát đo đạc địa hình, khảo sát địa chất công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công - lập dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình; Thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình, thẩm tra dự toán quy hoạch xây dựng và dự toán chi phí các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng; Tư vấn về đấu thầu; Giám sát khảo sát, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; Kiểm định chất lượng công trình; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tư vấn về định giá giá xây dựng công trình, lập định mức, đơn giá xây dựng công trình; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn và dầu khí, bao gồm cả hợp đồng EPC và chìa khóa trao tay; Tư vấn xây dựng đơn giá định mức chuyên ngành xây dựng dầu khí; Kinh doanh vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, các khu nhà ở, cao ốc văn phòng, khu thương mại, khu công nghiệp và kinh doanh du lịch; Đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, bao gồm cả kinh doanh sản phẩm dầu khí, hóa dầu, phân bón, hóa chất; Tàng trữ và vận chuyển xăng, dầu, khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí; Chế tạo, lắp đặt và sản xuất kinh doanh thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí; Lắp đặt hệ thống thiết bị, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp; Lắp đặt các hệ thống đường ống dẫn khí, đường dây tải điện; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị xây dựng dầu khí, điện tử, thương mại và dịch vụ tổng hợp;
- Môi giới thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng;
- Kinh doanh bê tông trộn sẵn; Kinh doanh vận tải vật tư, hàng hoá, hành khách bằng đường bộ và đường thủy; Cho thuê máy móc và thiết bị chuyên dùng;
- Dịch vụ tổ chức các sự kiện; Quảng cáo và nghiên cứu thị trường; Khai thác và quản lý dịch vụ văn phòng; Dịch vụ bán lẻ; Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng công cộng; Cung cấp các dịch vụ nhà ở cao tầng; Dịch vụ vệ sinh môi trường; Quản lý khai thác dịch vụ thể thao; Đại lý xăng dầu; Giáo dục mầm non; Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị;

- Khảo sát, lập dự án thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Xây dựng điểm tọa độ, độ cao địa chính; Đo vẽ thành lập bản đồ địa hình các tỷ lệ; Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ; Thành lập bản đồ chuyên đề; Khảo sát, đo đạc công trình; Đo đạc thông số môi trường; thực hiện các dịch vụ về dự báo ô nhiễm môi trường, đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Do đặc thù đa ngành nghề của Công ty nên chu kỳ sản xuất kinh doanh có sự thay đổi theo thời gian và theo từng lĩnh vực cụ thể. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với hoạt động xây lắp, một số công trình xây dựng công nghiệp trọng điểm, có nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước, v.v chu kỳ sản xuất kinh doanh có thể trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 09 chi nhánh phụ thuộc như sau:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 1
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 2
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 3
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 4
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 5
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 7
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 9
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 10
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 13

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 180 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 99 tỷ VND); lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 466,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 384,9 tỷ VND) và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố nêu trên dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa có cam kết hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và chưa có nguồn tạo tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn.

Ban Giám đốc Công ty chưa chắc chắn hoàn toàn về việc Công ty có khả năng hoạt động ít nhất trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính này và quyết định lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của các công trình đang thi công còn đang dở dang được xác định theo chi phí thực tế đã tập hợp trong năm sau khi trừ đi phần chi phí đã kết chuyển vào giá vốn theo tỷ lệ giữa doanh thu và khối lượng hoàn thành nghiệm thu.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	4 - 7
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau giao cho Công ty sử dụng vô thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là bất động sản do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí thuê hoạt động và khoản mua sắm công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng ước tính theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 466,7 tỷ VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ kỳ phát sinh. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	113.017	113.017
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	1.844.936.140	1.432.865.552
Các khoản tương đương tiền	-	2.395.000.000
	1.845.049.157	3.827.978.569

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm khoảng 22,8 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 30 triệu VND) là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	41.091.136.453	55.551.617.731
Các khách hàng khác	5.540.357.789	5.505.482.789
	46.631.494.242	61.057.100.520

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Công nghệ Cao Đại	695.838.152	695.838.152
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Lưu Ngô Gia	484.855.215	484.855.215
Các đối tượng khác	765.471.800	2.167.545.589
	1.946.165.167	3.348.238.956

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu các đội xây dựng (i)	16.819.381.673	18.074.256.284
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	4.917.824.644
Tạm ứng	465.485.022	514.503.908
Phải thu ngắn hạn khác	2.265.451.795	2.265.451.795
	24.468.143.134	25.772.036.631

- (i) Thể hiện số tiền chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh tại các đội xây dựng khi thi công xây dựng công trình và chi phí Công ty giao xuống các đội xây dựng.

8. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi				
Phải thu đội xây dựng số 5	11.854.459.111	-	11.854.459.111	-
Phải thu đội xây dựng số 9	3.456.405.055	-	3.456.405.055	-
Phải thu Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	-	4.917.824.644	-
Các đối tượng khác	10.881.186.088	-	12.490.427.361	183.402.857
	31.109.874.898	-	32.719.116.171	183.402.857

Ban Giám đốc Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	2.288.829.278	(840.906.619)	2.288.829.278	(840.906.619)
Công cụ, dụng cụ	11.536.185	-	11.536.185	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.294.371.822	-	11.523.531.052	-
Hàng hóa	217.748.615.422	(95.748.615.422)	217.748.615.422	(34.303.365.246)
- Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu (ii)	217.748.615.422	(95.748.615.422)	217.748.615.422	(34.303.365.246)
	235.343.352.707	(96.589.522.041)	231.572.511.937	(35.144.271.865)

- (i) Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên liệu, vật liệu và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 840.906.619 VND.

- (ii) Phản ánh giá trị hàng hóa bất động sản đầu tư tại Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu ("Bạc Liêu Tower"). Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp giá trị hàng hóa này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Oceanbank Cà Mau). Ngày 25 tháng 3 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ban hành Thông báo số 96/TB-CCTHADS về việc bán đấu giá thành công Bạc Liêu Tower, theo đó, giá trúng đấu giá là 122.000.000.000 VND (chưa gồm thuế giá trị gia tăng), người trúng đấu giá là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Kỹ thuật VP Home. Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của Tòa nhà Bạc Liêu Tower là giá trúng đấu giá nêu trên và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Công ty đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng Bạc Liêu Tower.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	13.262.588.220	905.886.765	7.602.332.085	1.159.389.682	22.930.196.752
Thanh lý, nhượng bán	-	(561.398.333)	(4.628.229.122)	(293.289.204)	(5.482.916.659)
Tại ngày cuối năm	13.262.588.220	344.488.432	2.974.102.963	866.100.478	17.447.280.093
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	4.498.940.645	878.013.079	7.438.008.860	1.159.389.682	13.974.352.266
Trích khấu hao trong năm	592.121.988	27.873.686	63.778.773	-	683.774.447
Thanh lý, nhượng bán	-	(561.398.333)	(4.628.229.122)	(293.289.204)	(5.482.916.659)
Tại ngày cuối năm	5.091.062.633	344.488.432	2.873.558.511	866.100.478	9.175.210.054
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	8.763.647.575	27.873.686	164.323.225	-	8.955.844.486
Tại ngày cuối năm	8.171.525.587	-	100.544.452	-	8.272.070.039

Nguyên giá của tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 9.391.829.441 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13.711.045.666 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	101.250.000	237.068.800	338.318.800
Tại ngày cuối năm	101.250.000	237.068.800	338.318.800
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	-	237.068.800	237.068.800
Tại ngày cuối năm	-	237.068.800	237.068.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	101.250.000	-	101.250.000
Tại ngày cuối năm	101.250.000	-	101.250.000

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện khoản đầu tư mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (Công ty 3C) theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty 3C cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và quyết định trích lập và ghi nhận dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư trên vào chi phí tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 5.400.000.000 VND.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Hiệp Thành	5.560.380.611	(i)	6.710.035.484	(i)
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Liên Sơn	4.804.823.158	(i)	7.304.823.158	
Công ty Cổ phần Bê tông Sài Gòn	3.067.348.466	(i)	5.067.495.315	(i)
Các đối tượng khác	34.139.519.787	(i)	47.183.186.171	(i)
	47.572.072.022		66.265.540.128	
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	738.172.700	(i)	2.803.632.514	(i)

(i) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.000.899.140	1.000.899.140
Các đối tượng khác	692.794.263	692.794.263
	1.693.693.403	1.693.693.403

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong năm				
	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số được khấu trừ/Phân loại lại VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	14.630.367.269	1.212.045.410	57.298.223	2.249.182.370	13.535.932.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.246.421.108	-	-	(204.191)	1.246.625.299
Các loại thuế khác	17.982.369.430	3.278.325.415	286.141.371	-	20.974.553.474
Thuế thu nhập cá nhân	2.174.935.476	43.334.606	32.060.662	-	2.186.209.420
Thuế khác	15.807.433.954	3.234.990.809	254.080.709	-	18.788.344.054
	33.859.157.807	4.490.370.825	343.439.594	2.248.978.179	35.757.110.859

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	82.263.534.754	63.164.837.536
Trích trước chi phí thi công công trình	14.300.097.392	11.005.083.686
Chi phí phải trả khác	63.636.363	205.602.985
	96.627.268.509	74.375.524.207

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau (ii)	8.697.686.626	8.697.686.626
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	5.221.876.372	5.400.000.000
Kinh phí công đoàn	271.385.413	291.915.271
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	429.013.952	429.013.952
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	528.258.068	528.258.068
	65.148.220.431	65.346.873.877

- (i) Phản ánh khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas) liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư của dự án Bạc Liêu Tower. Công ty có trách nhiệm thanh toán cho PVGas số tiền là 50.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển đổi chủ đầu tư Dự án Bạc Liêu Tower ngày 12 tháng 8 năm 2010 ký giữa Công ty và PVGas.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán khoản công nợ này.

- (ii) Phản ánh số phải trả tiền nhận ứng trước lớn hơn giá trị quyết toán các công trình Công ty đã thi công cho Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau.
- (iii) Phản ánh khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về nhận chuyển nhượng khoản đầu tư mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C như trình bày tại Thuyết minh số 12.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
Vay ngắn hạn	119.539.630.318	(i)	-	-	119.539.630.318	(i)
	119.539.630.318	-	-	-	119.539.630.318	-

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 001-0012/2013/HDTDHM1-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013 tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Oceanbank Cà Mau) với hạn mức là 120 tỷ VND, thời hạn cung cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được Công ty dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất có diện tích 2.812,2 m² của Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu như đã trình bày tại Thuyết minh số 9.

Ngày 25 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ("Tòa án") đã tuyên án bản án sơ thẩm số 09/2017/KDTM-ST về vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương ("Oceanbank"). Theo đó, Tòa án tuyên án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Oceanbank buộc Công ty phải có trách nhiệm trả Oceanbank số nợ gốc vay, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Trong trường hợp Công ty không trả được số nợ nêu trên thì Oceanbank có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ban hành Thông báo số 31/TB-CCTHADS cưỡng chế thi hành án vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" nói trên bằng biện pháp kê biên, xử lý tài sản là Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu ("Bạc Liêu Tower"), máy móc thiết bị và các hạng mục công trình phụ trợ khác nằm trên đất theo quyền sử dụng đất thuê của Nhà nước, tọa lạc tại khóm 01, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ban hành Thông báo về việc bán đấu giá thành công Tòa nhà Bạc Liêu Tower. Công ty đang tiếp tục làm việc với OceanBank Cà Mau, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu và các đối tác để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng Bạc Liêu Tower.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(312.232.259.694)	(17.269.404.480)
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(72.741.073.363)	(72.741.073.363)
Số dư đầu năm nay	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(384.973.333.057)	(90.010.477.843)
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(81.693.823.550)	(81.693.823.550)
Số dư cuối năm nay	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(466.667.156.607)	(171.704.301.393)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 10 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 280.689.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi		Vốn đã góp			
	VND	%	Tại ngày cuối năm		Tại ngày đầu năm	
			VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%
Cổ đông khác	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%
	280.689.000.000	100%	280.689.000.000	100%	280.689.000.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	28.068.900	28.068.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	28.068.900	28.068.900

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp trong ngành dầu khí và các công trình tư vấn đầu tư xây dựng tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

12/10/2018

21. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu hoạt động tư vấn	13.090.909	1.131.970.599
Doanh thu cung cấp dịch vụ	412.581.817	2.105.089.119
Doanh thu hoạt động xây lắp	7.487.355.838	157.566.919.831
Doanh thu khác	1.738.682.656	244.021.976
	9.651.711.220	161.048.001.525
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	6.766.330.920	158.048.834.527

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn hoạt động tư vấn	10.474.671	1.189.050.805
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	140.857.773	1.309.112.106
Giá vốn hoạt động xây lắp	8.192.030.629	151.085.624.803
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	61.445.250.176	840.906.619
	69.788.613.249	154.424.694.333

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	419.948.138	52.058.314.252
Chi phí nhân công	2.933.281.020	9.963.697.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	683.774.447	878.568.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.825.529.378	101.715.787.722
Chi phí khác bằng tiền	1.354.802.568	3.992.649.140
	16.217.335.551	168.609.017.017

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	19.098.697.218	55.322.427.476
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	5.400.000.000
	19.098.697.218	60.722.427.476

25. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.942.253.912	2.064.777.031
Giảm công nợ phải trả thông qua đàm phán	89.011.000	1.763.802.973
Thu nhập khác	1.035.848.843	1.750.586.921
	<u>3.067.113.755</u>	<u>5.579.166.925</u>

26. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thuế, lãi phạt chậm nộp (i)	2.189.653.776	4.852.806.761
Chi phí khác	184.547.154	7.490.532.906
	<u>2.374.200.930</u>	<u>12.343.339.667</u>

(i) Phản ánh các khoản tiền thuế, tiền lãi phạt chậm nộp thuế của Văn phòng và các chi nhánh của Công ty theo các Thông báo thuế trong năm 2018 của Cục Thuế thành phố Cần Thơ và Cục Thuế tỉnh Cà Mau.

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
(Lỗ) trước thuế	(81.693.823.550)	(72.741.073.363)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.374.200.930	12.343.339.667
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.374.200.930	12.343.339.667
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

28. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(81.693.823.550)	(72.741.073.363)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	28.068.900	28.068.900
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.910)	(2.592)

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cổ đông
Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	6.766.330.920	158.048.834.527
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	6.766.330.920	153.301.878.554
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.785.070.510
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành dự án phía Nam	-	1.569.081.908
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	1.392.803.555
Mua hàng, dịch vụ	2.066.678.545	3.473.021.659
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	2.066.678.545	3.473.021.659
Thu nhập của Ban Giám đốc	77.085.000	604.905.023

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	41.091.136.453	55.551.617.731
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	32.893.085.303	45.095.176.849
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.422.953.165	6.422.953.165
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành Dự án phía Nam	1.775.097.985	1.670.172.337
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	293.713.640
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	-	275.905.944
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	1.712.545.965
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	81.149.831
Người mua trả tiền trước	1.000.899.140	1.000.899.140
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.000.899.140	1.000.899.140
Phải trả người bán	738.172.700	2.803.632.514
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	2.065.459.814
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	738.172.700	738.172.700
Phải trả khác	63.919.562.998	64.097.686.626
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.221.876.372	5.400.000.000

(Handwritten signature)

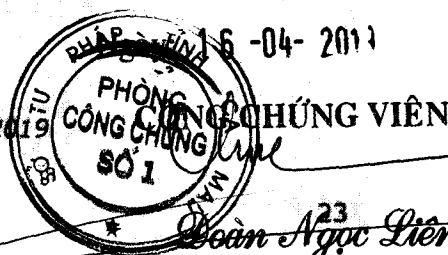
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 4.489. Quyền số: 01-SCT/B



Nguyễn Thị Mỹ Linh
Giám đốc

Nguyễn Xuân Liêm
Người lập biểu/
Phụ trách kế toán

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



(Handwritten signature: Đoàn Ngọc Liên)